

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,
Nuôi con và nợ chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Ông **Ngô Văn Sỹ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lương Thị Thanh Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thư** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Q**, sinh năm 1973. Địa chỉ: 440 Hoàng Văn Thái, tổ 70, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh Y**, sinh năm 1974. Địa chỉ: 440 Hoàng Văn Thái, tổ 70, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc D. Địa chỉ: 28C-D phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 516 Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Huỳnh Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y chung sống với nhau vào năm 1992, nhưng kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 70, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, do bà Y đánh đập ông Q. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh Y.

Về quan hệ con chung: Ông Q xác định trong thời kỳ hôn nhân ông Q và bà Y có 03 con chung tên Huỳnh Bá T, sinh ngày 30/7/1994, Huỳnh Thị Tường M, sinh ngày 10.11.1997 (cháu M khó khăn trong nhận thức và làm chủ được hành vi) và Huỳnh V, sinh ngày 25/02/2002. Ly hôn, ông Q đồng ý giao con Huỳnh Thị Tường M cho bà Y nuôi. Ông Q cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 1.000.000đ. Riêng cháu Tường và cháu Vũ đã đủ tuổi trưởng thành có quyền quyết định trong việc ở với ba hay mẹ, nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Q xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà Y có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Q xác định ông Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc D số tiền là 89,693,708 đồng. Ly hôn ông Q yêu cầu ông và bà Y cùng có trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn bà Y thống nhất như lời trình bày của ông Q. Theo bà Y nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác, bà biết được qua tin nhắn điện thoại. Trong cuộc sống gia đình vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Hiện tại mỗi người sống một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm với nhau. Nhưng vì các con bà Y mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: Bà Y xác định trong thời kỳ hôn nhân ông và bà Y có 03 con nhưng ông Q trình bày là đúng. Ly hôn, bà Y nuôi con chung Huỳnh Thị

Tường M do cháu bị tâm thần. Bà Y yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Y xác định bà và ông Q còn nợ Ngân hàng TMCP Quốc D số tiền là 89,693,708 đồng. Ly hôn bà Y yêu cầu bà Y và ông Q cùng có trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc D có yêu cầu độc lập trình bày như sau: Ông Huỳnh Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y có vay của Ngân hàng TMCP Quốc D số tiền là 150.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số 211/17/HĐCV-9360 ngày 20/11/2017 và Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/211/17/HĐCV-9360 ngày 20/11/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Quốc D với ông Huỳnh Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ngày 14/4/2022 ông Q, bà Y nợ số tiền là: 85,623,334 đồng; trong đó nợ gốc là: 85.000.000 đồng, nợ lãi: 623.334 đồng. Ly hôn Ngân hàng yêu cầu ông Q, bà Y có trách nhiệm trả dứt điểm tiền lãi và gốc nên trên cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nói trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 243 và tài sản gắn liền đất tại tổ 168, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CTs 65558 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/11/2017 cho ông Huỳnh Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y. Nếu ông Huỳnh Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Huỳnh Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa

vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Y không tham gia quá trình tố tụng, không tham dự phiên tòa là đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 37, 51, 56, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Q đối với bà Nguyễn Thị Thanh Y.

Về con chung: Giao con chung Huỳnh Thị Tường M, sinh ngày 10.11.1997 cho bà Nguyễn Thị Thanh Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Huỳnh Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y trả nợ cho Ngân hàng số tiền: 85,623,334 đồng; trong đó nợ gốc là: 85.000.000 đồng, nợ lãi: 623.334 đồng, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ngày 14/4/2022. Trong trường hợp ông Q, bà Y không trả nợ thì đề nghị Hội đồng xét xử phát mãi tài sản để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Huỳnh Q khởi kiện ly hôn Nguyễn Thị Thanh Y, cư trú tại phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Y, nhưng tại phiên tòa bà Y vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Y.

Về thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhận đơn yêu cầu độ lập của của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc D: Ông Q, bà Y ly hôn phải có trách nhiệm trả số nợ còn lại 85,623,334 đồng; trong đó nợ gốc là: 85.000.000 đồng, nợ lãi: 623.334

đồng. Theo Hợp đồng cho vay số 211/17/HĐCV-9360 ngày 20/11/2017 và Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/211/17/HĐCV-9360 ngày 20/11/2017. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung yêu cầu độc lập của ngân hàng có sự liên quan đến nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn và liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

[2] Về nội dung: Ông Huỳnh Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y chung sống với nhau vào năm 1992, nhưng đăng ký kết hôn vào ngày 12.02.20004, vào sổ số 28, quyển 01 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh cũ, nay là phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa bà Y và ông Q là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Q, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ do tính, tình quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn kéo dài cho đến nay nguyên nhân ông Q cho rằng bà Y và gia đình bà Y đánh đập bạo lực đối với ông. Về phía bà Y cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác tình cảm của bà không còn đối với ông Q nhưng bà Y xin được đoàn tụ vì các con. Hội đồng xét xử xác định: Giữa bà Y và ông Q sinh sống có mâu thuẫn, cãi vã và không hợp nhau. Hiện nay ông Q và bà Y đã sống ly thân và vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày các đương sự là đúng. Theo kết quả xác minh của Tòa án ngày 21/02//2022 tại địa phương cũng cho thấy vợ chồng ông Q, bà Y có mâu thuẫn.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Y và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía bà Y xin được đoàn tụ nhưng bà không có biện pháp nào để khắc phục những mâu thuẫn, bà cũng không tham gia phiên tòa chứng tỏ bà Y đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho yêu cầu bà Y. Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Q đối với bà Y, xử cho ông Q được ly hôn với bà Y.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông Q và bà Y có 03 con chung: Huỳnh Bá T, sinh ngày 30/7/1994, Huỳnh Thị Tường M, sinh ngày 10.11.1997 (cháu M bị tâm thần phân liệt) và Huỳnh V, sinh ngày 25/02/2002. Ly hôn ông Quản đồng ý giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng, tại phiên hòa giải ngày 26/4/2021 bà Y cũng có nguyện vọng nuôi cháu Huỳnh Thị Tường M. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn việc giao con chung cho cha hay mẹ nuôi, mục đích để các cháu phát triển bình thường về tinh thần cũng như thể chất, cháu M bị bệnh tâm

thần cần có sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ. Xét nguyện vọng nuôi con chung của bà Y là chính đáng, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Huỳnh Thị Tường M, sinh ngày 10.11.1997 cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Đối với hai con chung Huỳnh Bá Trường và Huỳnh V đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Y trình bày nếu ly hôn nguyện vọng của bà Y nuôi con chung Huỳnh Thị Tường M và yêu cầu ông Huỳnh Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ. Còn ông Q chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu M hiện đang là người tâm thần phân liệt, không có khả năng lao động. Trong sinh hoạt hằng ngày cần phải có khoản tiền nhất định để chăm sóc cho cháu M, việc bị đơn yêu cầu mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng đối với cháu M là hoàn toàn phù hợp. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Q khai thu nhập hằng tháng của ông Q khoảng 10.000.000đồng/ tháng. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông Huỳnh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

[5] Về tài sản chung: Ông Q, bà Y có tài sản chung nhưng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y xác định có vay của Ngân hàng TMCP Quốc D – Chi nhánh Đà Nẵng số tiền là 150.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số 211/17/HĐCV-9360 ngày 20/11/2017 và Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/211/17/HĐCV-9360 ngày 20/11/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Quốc D. Tài sản đảm bảo cho khoản vay nói trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 243 và tài sản gắn liền đất tại tổ 168, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CTs 65558 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/11/2017 cho ông Huỳnh Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ngày 14/4/2022 ông Q, bà Y nợ số tiền là: 85,623,334 đồng; trong đó nợ gốc là: 85.000.000 đồng, nợ lãi: 623.334 đồng. Nay ông Q, bà Y ly hôn Ngân hàng yêu cầu ông Q, bà Y phải trả tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng, trong trường hợp ông Q, bà Y không trả nợ thì phát mãi tài sản nên trên để đảm bảo cho việc thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét thấy

theo quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 11 của Hợp đồng tín dụng số: 221/17/HDDCV9360 ngày 20/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Q, bà Y quy định: “*Bên B (tức tên cho vay) hoặc (các) Bên bảo đảm, bên bảo lãnh có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của bên A (tức NCB) là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của bên B hoặc ảnh hưởng đến (các) tài sản đảm bảo đó*” và “*(Các) tài sản đảm bảo bị tranh chấp hoặc có những thay đổi mà bên A nhận định là có khả năng dẫn đến nguy cơ khó khăn quản lý hoặc khó xử lý được (các) tài sản đảm bảo đó*”. Căn cứ vào quy định nêu trên mặt dù ông Q, bà Y vẫn trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng hàng tháng nhưng việc ông Q, bà Y ly hôn có khả năng ảnh hưởng đến việc trả nợ cũng như tài sản đã được thế chấp. Tại phiên tòa ông Q đồng ý trả ½ số nợ còn lại cho Ngân hàng, bà Y trong quá trình giải quyết vụ án xác nhận có nợ của Ngân hàng số tiền nêu trên nhưng không có ý kiến về việc trả nợ. Trong vụ án giữa ông Q và bà Y không có yêu cầu chia tài sản chung. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu độc lập của Ngân hàng. Buộc ông Q, bà Y có trách nhiệm trả mỗi người trả ½ số nợ nêu trên, cụ thể: $85,623,334 \text{ đồng} / 2 = 42.811.667 \text{ đồng}$.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Q phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Q, bà Y cùng chịu mỗi người 2.140.583 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 37, 51, 56, 80, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 201, khoản 2 Điều 227, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông đối với ông Huỳnh Q về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nợ chung*”.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Huỳnh Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 12/02/2004 của Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Thị Tường M, sinh ngày 10.11.1997 cho bà Nguyễn Thị Thanh Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Huỳnh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Thị Tường M mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bên không nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung có quyền thay đổi người trực nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về nợ chung: Buộc ông Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị Thanh Y trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc D số tiền gốc và lãi: 85,623,334đ (tám mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng); trong đó nợ gốc là: 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng*), nợ lãi: 623.334đ (*Sáu trăm hai mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng*). Ông Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị Thanh Y mỗi người trả tiền gốc và lãi $\frac{1}{2}$ tương ứng với số tiền 42.811.667 đồng. Ngoài khoản tiền gốc và lãi phải trả, ông Q, bà Y phải tiếp tục trả tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 221/17/HDDCV9360 ngày 20/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Q, bà Y.

Khi bản án có hiệu pháp luật ông Q, bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 243 và tài sản gắn liền đất tại tổ 168, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CTs 65558 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/11/2017 cho ông Huỳnh Q và bà Nguyễn Thị Thanh Y. Để đảm bảo thu nợ số tiền còn lại.

4. Án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Huỳnh Q phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0009283 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Ông Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Q, bà Nguyễn Thị Thanh Y mỗi người phải chịu số tiền 2.140.583đ (Hai triệu một trăm bốn mươi nghìn năm trăm tám mươi ba đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.328.000đ (*Hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Hòa Khánh Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

